

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1 - 3
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	4 - 5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	6 - 7
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	8 – 30
5. Phụ lục 01: Bảng thuyết minh biến động vốn chủ sở hữu	31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC, Số 11 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Tại 31/12/2018	Tại 01/04/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.178.587.086.989	1.663.913.682.023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	192.927.334.215	143.491.061.936
1. Tiền	111		180.927.334.215	109.591.061.936
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	33.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		224.034.612.595	193.092.020.501
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	224.034.612.595	193.092.020.501
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.343.999.630.251	994.916.060.113
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.231.953.753.466	993.913.371.831
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		71.214.297.635	32.617.454.592
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10.143.091.884	14.623.582.080
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	120.818.703.781	71.337.053.547
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(90.130.216.515)	(117.575.401.937)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	266.750.416.804	192.684.097.017
1. Hàng tồn kho	141		268.428.289.048	194.858.149.499
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.677.872.244)	(2.174.052.482)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		150.875.093.124	139.730.442.456
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	31.513.638.327	17.919.597.290
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		117.134.747.267	121.167.599.708
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.226.707.530	643.245.458
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.414.922.740.259	1.333.714.379.617
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.953.400.073	7.640.220.204
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	6.953.400.073	7.640.220.204
II. Tài sản cố định	220		1.067.022.801.897	1.067.837.375.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	916.767.120.137	904.035.754.175
<i>Nguyên giá</i>	222		1.492.707.171.148	1.380.346.567.370
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(575.940.051.011)	(476.310.813.195)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	150.255.681.760	163.801.621.338
<i>Nguyên giá</i>	228		226.383.557.959	223.579.485.553
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(76.127.876.199)	(59.777.864.215)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/04/2018
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		180.093.124.579	97.345.519.308
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		374.000.000	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	179.719.124.579	97.345.519.308
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		49.661.004.910	28.308.030.413
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	36.281.004.910	27.301.030.413
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	980.000.000
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		13.380.000.000	27.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		111.192.408.800	132.583.234.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	107.552.808.820	128.792.735.705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		716.845.118	774.497.957
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		366.974.000	-
5. Lợi thế thương mại	269		2.555.780.862	3.016.000.517
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.593.509.827.248	2.997.628.061.640
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/04/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.223.016.298.653	1.749.084.725.166
I. Nợ ngắn hạn	310		1.877.812.130.189	1.416.021.913.453
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		615.075.570.946	532.115.754.871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		123.090.805.040	103.694.757.256
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	47.668.907.506	33.669.667.569
4. Phải trả người lao động	314		104.111.389.860	114.439.822.076
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	368.508.973.264	246.142.641.726
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		100.227.635.630	78.792.922.631
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	77.537.015.060	45.197.188.876
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	429.620.115.670	240.031.831.833
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.037.863.786	8.276.507.185
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.933.853.427	13.660.819.430
II. Nợ dài hạn	330		345.204.168.464	333.062.811.713
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		29.304.536.127	19.956.611.796
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	11.781.338.862	36.180.446.022
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	292.917.136.441	261.077.425.415
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.618.249.795	1.647.247.965
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		9.582.907.239	14.201.080.515

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/04/2018
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.370.493.528.595	1.248.543.336.474
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	1.370.493.528.595	1.248.543.336.474
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		720.552.100.000	673.419.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		720.552.100.000	673.419.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.444.340.400	34.444.340.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		134.807.600.821	111.266.061.120
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		395.285.155	471.314.384
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		164.642.805.372	156.183.722.979
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.605.057.109	39.160.241.315
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		133.037.748.263	117.023.481.664
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		315.651.396.847	272.758.367.591
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.593.509.827.248	2.997.628.061.640

Kế toán trưởng

Giám đốc tài chính

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2019
Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Phương

Lê Thanh Sơn

Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC, số 11 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017	
			01	02	03	04	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.485.405.761.792	1.421.863.788.910	3.964.398.507.762	3.837.546.500.114	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	33.008.841.355	4.649.944.072	53.239.705.230	12.183.876.029	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.452.396.920.437	1.417.213.844.838	3.911.158.802.532	3.825.362.624.085	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.223.634.152.334	1.199.316.517.026	3.292.923.381.245	3.242.307.992.012	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		228.762.768.103	217.897.327.812	618.235.421.287	583.054.632.073	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.578.962.128	4.325.449.941	14.826.336.739	12.823.137.557	
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	13.968.479.735	8.288.346.012	36.646.788.190	22.651.918.158	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.578.863.693	7.859.722.305	35.071.248.896	21.984.582.395	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.784.914.120	4.978.200.241	16.014.948.697	14.729.826.055	
9. Chi phí bán hàng	25		85.206.863.567	75.427.337.917	229.459.029.714	214.056.075.890	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		71.800.406.349	78.929.628.355	193.899.942.136	193.039.462.993	

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	68.150.894.700	64.555.665.710	189.070.946.683	180.860.138.644
12. Thu nhập khác	31	14.116.451.433	7.167.471.783	20.446.280.612	14.836.553.581
13. Chi phí khác	32	2.910.808.627	1.040.630.244	4.266.657.835	3.640.927.501
14. Lợi nhuận khác	40	11.205.642.806	6.126.841.539	16.179.622.777	11.195.626.080
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	79.356.537.506	70.682.507.249	205.250.569.460	192.055.764.724
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17.104.156.767	9.297.490.573	34.282.483.431	29.446.377.262
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(19.217.612)	(121.628.312)	(62.691.490)	(468.532.346)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	62.271.598.351	61.506.644.988	171.030.777.519	163.077.919.808
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	47.234.768.322	50.864.464.784	133.037.748.263	129.141.648.350
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	15.036.830.029	10.642.180.204	37.993.029.256	33.936.271.458
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.7	677	736	1.907
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V1.7	677	736	1.918

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2019
Chiều Hồng / Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Giám đốc tài chính



Nguyễn Hồng Phương



Lê Thanh Sơn



Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC, số 11 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>1</i>	<i>205.250.569.460</i>	<i>192.055.764.724</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2	116.929.640.509	90.670.089.826
- Các khoản dự phòng	3	(29.180.009.059)	829.412.465
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(70.330.757)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(24.337.498.996)	(18.306.957.583)
- Chi phí lãi vay	6	35.071.248.896	21.984.582.395
- Các khoản điều chỉnh khác	7	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	303.663.620.053	287.232.891.827
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(319.387.580.934)	(404.207.923.213)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(73.944.139.549)	(9.846.388.702)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	393.582.128.032	332.080.616.709
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.645.885.848	4.769.492.668
- Tiền lãi vay đã trả	14	(32.413.732.965)	(22.462.699.840)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.405.284.659)	(26.283.784.346)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.743.907.840)	(4.847.068.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	235.996.987.986	156.435.136.752
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(227.221.471.858)	(234.129.493.825)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.142.222.750
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(171.429.509.804)	(160.130.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	131.700.000.000	238.650.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	980.000.000	627.044.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.655.722.389	25.559.630.976
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(254.315.259.273)	(127.280.595.699)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/12/2017
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.900.000.000,00	26.389.088.400
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.662.847.854.081	2.564.716.621.761
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.516.894.559.262)	(2.307.943.957.825)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(82.832.712.960)	(81.166.346.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	68.020.581.859	201.995.405.606
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	49.702.310.572	231.149.946.659
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	143.491.061.936	125.069.823.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo	61	(266.038.293)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	192.927.334.215	356.219.770.300

Kế toán trưởng

Giám đốc tài chính

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phương

Lê Thanh Sơn



Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018 Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyên giao công nghệ;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị buro chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phẩm mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 12 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,6%	54,6%	54,6%	54,6%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an ninh thông tin	99,9%	99,9%	99,9%	99,9%
Công ty TNHH CMC Blue France (*)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Xuất bản phần mềm	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ Phần CMC Japan (i)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ Phần Liên doanh Ciber CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Máy tính CMS (iii)	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%	100%	100%

- (i) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ Phần CMC Japan thông qua Công ty TNHH CMC Global.
- (ii) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn thông qua Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC
- (iii) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Máy tính CMS thông qua Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC
- (*) Công ty TNHH CMC Blue France tạm dừng hoạt động theo Quyết định số 01/2011/QĐ-CTCT ngày 14/07/2011 nên không có số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm được hợp nhất; số liệu Bảng cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2011 của Công ty TNHH CMC Blue France để hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018, Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Netnam	Hà Nội	41,14%	41,14%	41,14%	41,14%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được qui đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được qui đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được qui đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc qui đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các dự án đầu tư sản phẩm phần mềm đã hoàn thành và không đăng ký sở hữu trí tuệ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 03 đến 10 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 07 năm

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá tỷ lệ phần trăm (%) chi phí nhân công đã phát sinh so với tổng chi phí nhân công ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Đối với tiền cước trả trước lần đầu dịch vụ FTTH và EOC của khách hàng mới phát sinh trong năm tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền cước trả trước của các khách hàng này, không thực hiện phân bổ doanh thu cho các kỳ cước tương ứng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.869.337.781	9.911.677.597
Tiền gửi ngân hàng	178.057.996.434	99.679.384.339
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	33.900.000.000
Cộng	<u>192.927.334.215</u>	<u>143.491.061.936</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	224.034.612.595	224.034.612.595	193.092.020.501	193.092.020.501
<i>Dài hạn</i>				
Cộng	<u>224.034.612.595</u>	<u>224.034.612.595</u>	<u>193.092.020.501</u>	<u>193.092.020.501</u>

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<i>Công ty Cổ phần Netnam</i>	<i>Tổng cộng</i>
Giá trị đầu tư:		
Số dư đầu kỳ	7.258.356.000	7.258.356.000
Số dư cuối kỳ	<u>7.258.356.000</u>	<u>7.258.356.000</u>
Phần lợi nhuận lũy kế trong công ty liên kết:		
Số dư đầu kỳ	20.042.674.413	20.042.674.413
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	16.014.948.697	16.014.948.697
Cổ tức nhận được trong kỳ	(7.034.974.200)	(7.034.974.200)
Số dư cuối kỳ	<u>29.022.648.910</u>	<u>29.022.648.910</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	27.301.030.413	27.301.030.413
Số dư cuối kỳ	<u>36.281.004.910</u>	<u>36.281.004.910</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018****3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****3a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	120.818.703.781	(4.826.267.519)	71.337.053.547	(4.826.267.519)
Ký cược, ký quỹ	5.479.201.916	-	2.784.689.245	-
Tạm ứng triển khai dự án	81.213.951.135	-	52.808.097.265	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	11.480.850.218	-	7.779.048.108	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	22.644.700.512	-	7.965.218.929	-
Cộng	120.818.703.781	(4.826.267.519)	71.337.053.547	(4.826.267.519)

3b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	6.953.400.073	-	7.640.220.204	-
Cộng	6.953.400.073	-	7.640.220.204	-

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu khách hàng	(85.303.948.996)	(84.483.118.633)
Dự phòng phải thu khác	(4.826.267.519)	(4.826.267.519)
Dự phòng về thuế GTGT chưa được hoàn	-	(28.266.015.785)
Số cuối kỳ	(90.130.216.515)	(117.575.401.937)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			23.207.452.423	
Nguyên liệu, vật liệu	51.837.986.022		39.551.800.973	(843.305.415)
Công cụ, dụng cụ	342.867.141		708.818.223	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.657.765.469		33.962.381.046	
Thành phẩm	16.819.982.834		6.588.615.258	
Hàng hóa	87.586.049.066	(1.494.233.727)	90.655.443.060	(1.147.108.550)
Hàng gửi đi bán	183.638.517	(183.638.517)	183.638.517	(183.638.517)
Cộng	268.428.289.048	1.677.872.244	194.858.149.499	(2.174.052.482)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018****6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ ngắn hạn	4.361.471.717	1.770.611.146
Chi phí sửa chữa	699.823.433	2.063.896.483
Chi phí thuê nhà, thuê cơ sở hạ tầng	2.309.014.421	6.226.190.124
Chi phí dịch vụ chờ phân bổ	159.209.363	158.282.220
Chi phí cài đặt phần mềm	2.919.109.878	2.773.238.431
Chi phí trả trước dự án	16.427.990.765	685.000.618
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.637.018.750	4.242.378.268
Cộng	<u>31.513.638.327</u>	<u>17.919.597.290</u>

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	70.620.016.858	86.850.562.876
Tiền thuê đất (i)	7.908.471.232	8.047.759.383
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	652.434.196	977.592.157
Chi phí cải tạo văn phòng	818.403.222	236.573.943
Lợi thế thương mại	2.555.780.862	3.016.000.517
Chi phí cập nhật, nâng cấp định kỳ phần mềm	3.013.268.677	4.017.691.569
Chi phí triển khai dự án	1.694.316.796	4.373.412.365
Chi phí ứng cứu sự cố, sửa chữa	3.476.679.372	4.536.326.327
Chi phí thuê kênh và server	9.725.520.843	12.127.276.251
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.087.916.761	4.609.540.317
Cộng	<u>107.552.808.819</u>	<u>128.792.735.705</u>

- (i) Là tiền thuê đất tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ cho mục đích xây dựng toà nhà trạm với thời gian thuê đất là 50 năm. Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian là 48 năm bắt đầu từ năm 2013 là năm bắt đầu có doanh thu từ dự án nhà trạm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	207.341.313.652	570.036.067.732	559.481.948.855	37.999.533.684	5.487.703.447	1.380.346.567.370
Tăng do mua sắm mới trong kỳ	14.635.854.450	1.446.903.604	264.408.040	7.323.652.641	-	23.670.818.735
Tăng do xây dựng cơ bản	88.239.732.051	14.592.482.828	-	49.723.200	1.103.868.149	103.985.806.228
Giảm do thanh lý nhượng bán	(14.108.528.956)	(359.821.172)	(313.500.000)	(514.171.057)	-	(15.296.021.185)
Số cuối kỳ	296.108.371.197	585.715.632.992	559.432.856.895	44.858.738.468	6.591.571.596	1.492.707.171.148
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	32.079.412.999	263.655.720.450	155.531.668.690	22.166.141.616	2.877.869.440	476.310.813.195
Khấu hao trong kỳ	3.521.982.713	53.396.698.087	35.776.329.145	7.380.653.016	67.745.911	100.143.408.872
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	-	(514.171.057)	-	(514.171.057)
Số cuối kỳ	35.601.395.712	317.052.418.537	191.307.997.835	29.032.623.575	2.945.615.351	575.940.051.010
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	175.261.900.653	306.380.347.282	403.950.280.165	15.833.392.068	2.609.834.007	904.035.754.175
Số cuối kỳ	260.506.975.485	268.663.214.455	368.124.859.060	15.826.114.893	3.645.956.245	916.767.120.138

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

8. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	168.779.240.233	551.086.545	46.116.468.317	8.132.690.458	223.579.485.553
Mua trong kỳ	1.847.494.225	-	-	956.578.181	2.804.072.406
Số cuối kỳ	170.626.734.458	551.086.545	46.116.468.317	9.089.268.639	226.383.557.959
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	34.090.678.792	533.528.001	22.198.901.778	2.954.755.644	59.777.864.215
Khấu hao trong kỳ	10.173.564.370	17.558.544	5.128.173.050	1.030.716.019	16.326.011.983
Số cuối kỳ	44.264.243.162	551.086.545	27.327.074.828	3.985.471.663	76.127.876.198
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	134.688.561.441	17.558.544	23.917.566.539	5.177.934.814	163.801.621.338
Số cuối kỳ	126.362.491.296	-	18.789.393.489	5.103.796.976	150.255.681.761

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định		
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí vật tư xây lắp mạng cáp và ứng cứu sự cố	19.521.519.376	12.049.105.060
- Dự án truyền dẫn quang	25.242.475.139	14.008.623.084
- Dự án tòa nhà không gian sáng tạo HCM	81.077.067.868	37.894.585.438
- Dự án cáp truyền dẫn	26.171.251.315	15.114.584.276
- Dự án tuyến đường trục Bắc Nam	6.351.590.404	-
- Các dự án khác	21.355.220.477	18.278.621.450
Cộng	179.719.124.579	97.345.519.308

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.292.944.063	1.223.297.924
Thuế xuất, nhập khẩu	143.194.162	120.121.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.184.275.743	24.929.321.177
Thuế thu nhập cá nhân	4.198.139.212	2.240.112.807
Các loại thuế khác	5.850.354.326	5.156.813.955
Cộng	47.668.907.506	33.669.667.569

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018****11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước chi phí cho các dự án	117.761.011.178	55.105.893.188
Chi phí lãi vay phải trả	2.769.291.204	111.775.273
Trích trước giá trị tài sản đã hoàn thành	12.357.783.761	42.527.159.166
Chi phí thuê ngoài, mua ngoài liên quan đến hoạt động viễn thông	205.473.761.943	116.365.393.337
Chi phí dự án VMS5	-	8.642.297.981
Chi phí phân chia dịch vụ EOC và dịch vụ khác	3.061.477.185	468.980.328
Chi phí Ban quản lý tòa nhà	1.849.063.209	2.968.499.971
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.889.656.588	15.019.033.170
Các chi phí phải trả khác	16.346.928.196	4.933.609.313
Cộng	<u>368.508.973.264</u>	<u>246.142.641.726</u>

12. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**12a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.429.329.283	2.636.568.242
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.696.921.267	2.767.517.818
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	335.604.562	1.213.049.306
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.324.203.210	5.842.298.770
Phải trả tiền vay không tính lãi	20.996.126.098	14.775.384.633
Phải nộp Quỹ dịch vụ viễn thông công ích	6.208.053.399	3.727.110.027
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	43.546.777.240	14.235.260.080
Cộng	<u>77.537.015.059</u>	<u>45.197.188.876</u>

12b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	24.441.055.000
Nhận ký quỹ, ký cược	11.781.338.862	11.739.391.022
Cộng	<u>11.781.338.862</u>	<u>36.180.446.022</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

13a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	360.483.983.351	182.142.686.283
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	51.166.257.319	38.889.145.550
Vay dài hạn đến hạn trả	17.969.875.000	19.000.000.000
Cộng	<u>429.620.115.670</u>	<u>240.031.831.833</u>

13b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	292.917.136.441	261.077.425.415
Cộng	<u>292.917.136.441</u>	<u>261.077.425.415</u>

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	39.705.840.000	5,51	81.512.100.000	12,1
Công ty TNHH Đầu tư MVI	139.428.490.000	19,35	130.307.000.000	19,35
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Geleximco)	100.511.470.000	13,95	93.935.960.000	13,95
Quý PYN Elite	43.965.550.000	6,1	40.538.100.000	6,02
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	36.294.400.000	5,04	33.920.000.000	5,04
Tập đoàn Bảo Việt	36.294.400.000	5,04	33.920.000.000	5,04
Các đối tượng khác	324.351.950.000	45,01	259.286.370.000	38,5
Cộng	<u>720.552.100.000</u>	<u>100</u>	<u>673.419.530.000</u>	<u>100</u>

14c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	72.055.210	67.341.953
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	72.055.210	67.341.953
- Cổ phiếu phổ thông	72.055.210	67.341.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	72.055.210	67.341.953

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO KỶ KẾ TOÁN 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.964.398.507.762	3.837.546.500.114
Cộng	<u>3.964.398.507.762</u>	<u>3.837.546.500.114</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại/Giảm giá/Trả lại hàng bán	53.239.705.230	12.183.876.029
Cộng	<u>53.239.705.230</u>	<u>12.183.876.029</u>

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.911.158.802.532	3.825.362.624.085
Cộng	<u>3.911.158.802.532</u>	<u>3.825.362.624.085</u>

4. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	3.292.923.381.245	3.242.307.992.012
Cộng	<u>3.292.923.381.245</u>	<u>3.242.307.992.012</u>

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.322.550.299	12.444.479.083
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.503.786.440	25.964.288
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	378.658.474
Cộng	<u>14.826.336.739</u>	<u>12.823.137.557</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018

6. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	35.071.248.896	21.984.582.395
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	705.725.799	380.452.265
Chi phí tài chính khác	869.813.495	286.883.498
Cộng	36.646.788.190	22.651.918.158

7. Lãi trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	133.037.740.661	129.141.648.350
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	133.037.740.661	129.141.648.350
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	69.756.690	67.341.953
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1907	1918

VII. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC, số 11 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KÊ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/04/2017	673.419.530.000	14.895.512.634	-	(6.840.260.634)	431.436.000	224.324.078.760	262.911.207.499	1.169.141.504.259
Lãi trong kỳ trước						129.141.648.350	33.936.271.458	163.077.919.808
Chưa có tức						(66.242.694.000)	(15.199.661.000)	(81.442.355.000)
Ảnh hưởng do công ty mẹ tài phát hành cổ phiếu quỹ		19.548.827.776		6.840.260.634				26.389.088.410
Ảnh hưởng do công ty con phát hành cổ phiếu thường			111.266.061.120			(111.266.061.120)		-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi kết						(2.012.282.197)	(336.122.282)	(2.348.404.479)
Giảm khác						(5.407.722.698)		(5.407.722.698)
Số dư tại 31/12/2017	673.419.530.000	34.444.340.410	111.266.061.120	-	431.436.000	168.536.967.095	281.311.695.675	1.269.410.030.300
Số dư tại 01/04/2018	673.419.530.000	34.444.340.400	111.266.061.120	-	471.314.384	156.183.722.979	272.758.367.591	1.248.543.336.474
Lợi nhuận trong kỳ này						133.037.748.263	37.993.029.256	171.030.777.519
Chưa có tức	47.132.570.000					(101.006.132.400)		(53.873.562.400)
Ảnh hưởng do công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu								
Ảnh hưởng do công ty con phát hành cổ phiếu thường			23.541.539.701			(23.541.539.701)		-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi						(1.016.941.837)	4.900.000.000	(1.016.941.837)
Ảnh hưởng do công ty con tăng vốn					(76.029.229)	985.948.068		909.918.839
Giảm khác								
Số dư tại 31/12/2018	720.552.100.000	34.444.340.400	134.807.600.821	-	395.285.155	164.642.805.372	315.651.396.847	1.370.493.528.595

